|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU**  Số: /2024/QĐ-UBND  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy**

**giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo**

**Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020**

**của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh;*

*Căn cứ Thông tư 04/2023/TT-BTC ngày 19 tháng* *01 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, thi chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:**

1. Bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân lợi dụng việc công đức, tài trợ cho di tích để trục lợi và thực hiện các mục đích khác trái với quy định của pháp luật. Mọi hành vi vi phạm quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 5 như sau:

“đ) Tổ chức quản lý nguồn thu hợp pháp tại di tích (bằng tiền, giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý) và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp quản lý.”.

3. Bổ sung điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:

“a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích trình cấp có thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích theo quy định tại Điều 13, 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011, Thông tư số 18/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định khác có liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Quản lý đất, mặt bằng, không gian di tích

“1. Di tích thuộc danh mục kiểm kê, di tích đã được xếp hạng thực hiện quản lý đất theo quy định của Luật Đất đai và pháp luật về di sản văn hoá.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao quản lý trực tiếp di tích có trách nhiệm:

a) Ngay sau khi di tích được xếp hạng thực hiện gắn bia, biển, xây dựng nội quy, bản trích giới thiệu nội dung di tích.

b) Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với di tích theo quy định của pháp luật về luật đất đai.

c) Công khai khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích, tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới hành lang bảo vệ di tích trên thực địa theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Thực hiện quản lý đất, mặt bằng, không gian di tích theo quy định của pháp luật. Khi phát hiện di tích có dấu hiệu xuống cấp hoặc bị xâm hại phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, đồng thời báo cáo cơ quan chuyên môn cấp trên để xử lý giải quyết theo thẩm quyền.

3. Việc cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích thực hiện theo Điều 15 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Nguồn thu của di tích

1. Phí tham quan di tích.

2. Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động phát huy giá trị di tích.

3. Nguồn công đức, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho di tích bằng tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ), giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý”.

6. Bổ sung Điều 11a như sau:

“Điều 11a. Quản lý, sử dụng nguồn thu của di tích

1. Nguồn thu từ phí tham quan di tích được quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị quyết số 42/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

2. Nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị của di tích được sử dụng vào các hoạt động liên quan đến di tích.

3. Nguồn công đức, tài trợ được tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng quy định và có sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo phân công quản lý.

4. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ di tích phải được công khai, minh bạch, rõ ràng, phải được thống kê, theo dõi, ghi chép đầy đủ tiền thu được.”.

7. Bổ sung Điều 11b như sau:

“Điều 11b. Hình thức, phương thức tiếp nhận tiền công đức, tài trợ đối với di tích.

1. Hình thức tiếp nhận công đức, tài trợ

a) Bằng tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền chuyển khoản.

b) Bằng các loại giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Phương thức tiếp nhận tiền công đức, tài trợ

a) Phương thức tiếp nhận trực tiếp: Công đức, tài trợ trực tiếp bằng tiền mặt, bằng kim khí quý, đá quý, bằng giấy tờ có giá hoặc công đức trực tiếp vào hòm công đức tại di tích.

b) Phương thức tiếp nhận gián tiếp: Công đức, tài trợ bằng phương thức thanh toán điện tử vào tài khoản tiền gửi được mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại.

8. Bổ sung Điều 11c như sau:

“Điều 11c. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý các điểm di tích

Bố trí hòm công đức tại di tích ở vị trí thuận tiện cho việc công đức, quản lý, đảm bảo mỹ quan. Hòm công đức phải được niêm phong có đánh số thứ tự, ngày, tháng, năm niêm phong, có chữ ký của người có liên quan và đóng dấu của đơn vị được giao quản lý di tích. Chìa khoá hòm công đức do đơn vị được giao quản lý quyết định giao cho người giữ trên cơ sở đảm bảo an toàn, khách quan, minh bạch.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau:

a) Trích 10% để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên): Số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý thu, chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội (nếu có, sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2023/TT-BTC);

b) Trích để lại 10% để chi hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2023/TT-BTC (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp đơn vị không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

c) Trích để lại 30% để chi hoạt động thường xuyên của đơn vị theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BTC: Đơn vị được tự chủ sử dụng theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và được tổng hợp vào các khoản thu xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Số còn lại, được để lại chi các khoản đặc thù theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

e) Trường hợp đến cuối năm, số dư kinh phí từ các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ tương ứng.”.

9. Bổ sung Điều 11d như sau:

“Điều 11d. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

1. Trách nhiệm của Ban quản lý di tích

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11c Quyết định này.

2. Số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau:

a) Trích 10% để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên): Số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 04/2023/TT-BTC (nếu có);

b) Trích để lại 10% để chi hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2023/TT-BTC (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp Ban quản lý di tích không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 04/2023/TT-BTC;

c) Trích để lại 30 % để chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý di tích theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BTC;

d) Số còn lại, được để lại chi các khoản đặc thù theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

e) Trường hợp đến cuối năm, số dư kinh phí từ các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ tương ứng.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 18 như sau:

“2. Trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày kể từ khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi nhật ký và hồ sơ hoàn công thi công tu bổ di tích đến cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Thông tư số 15/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lưu hồ sơ di tích.”.

11. Bổ sung khoản 3, Điều 19 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 (Ba) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc tu sửa cấp thiết di tích, bảo quản định kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện và trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc tu sửa cấp thiết di tích, bảo quản định kỳ Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung và kết quả tu sửa cấp thiết di tích, bảo quản định kỳ di tích.”.

12. Bổ sung Điều 19a như sau:

“19a. Công tác lựa chọn danh mục di tích cần phải tu bổ, phục hồi

1. Công tác rà soát, lập danh mục, đề xuất các di tích cần tu bổ, phục hồi

a) Định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 7, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, đề xuất các di tích cần tu bổ, phục hồi tại địa phương gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Nội dung đề xuất cần thể hiện rõ về hiện trạng từng di tích, sự cần thiết tu bổ phục hồi; quy mô tu bổ, phục hồi; kinh phí, thời gian tu bổ, phục hồi và các nội dung liên quan khác.

2. Trên cơ sở danh mục, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân liên quan lựa chọn di tích tu bổ, phục hồi theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ưu tiên thực hiện tu bổ, phục hồi đối với di tích có nguy cơ sụp đổ, di tích hư hỏng xuống cấp nghiêm trọng;

b) Ưu tiên thực hiện tu bổ, phục hồi theo thứ tự về loại hình từ lịch sử, khảo cổ, kiến trúc nghệ thuật đến danh lam - thắng cảnh;

c) Ưu tiên thực hiện tu bổ, phục hồi đối với di tích theo xếp hạng từ di tích xếp hạng các cấp (quốc gia, cấp tỉnh) đến các di tích chưa xếp hạng nằm trong danh mục kiểm kê đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Ưu tiên thực hiện tu bổ, phục hồi đối với di tích tại cấp huyện có mức trích theo tỷ lệ phần trăm (%) số tiền công đức, tài trợ để tạo nguồn tu bổ, phục hồi theo thứ tự từ cao xuống thấp và luân phiên giữa các huyện, thành phố.

đ) Trường hợp di tích đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc và thứ tự ưu tiên theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này thì ưu tiên cho các di tích có chương trình, kế hoạch, đề án bảo tồn, phát huy được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các di tích có tiềm năng phát huy giá trị, khai thác phát triển du lịch, dịch vụ tại địa phương.

3. Các di tích được bố trí kinh phí thực hiện dự án đầu tư từ nguồn đầu tư công trung hạn, các di tích đã có hạng mục công trình được công đức, tài trợ có địa chỉ cụ thể không thuộc đối tượng được ưu tiên của Điều này.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 20

“3. Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ về bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân liên quan lựa chọn di tích tu bổ, phục hồi báo cáo UBND tỉnh hàng năm trước ngày 15 tháng 7.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng ... năm 2024.

2. Các nội dung khác liên quan đến quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội tại di tích thực hiện theo Quyết định này, Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính và Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Cục Di sản văn hóa - Bộ VHTT&DL;  - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - UBND các xã;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT, VX3. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Văn Lương** |